

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-4-2024

V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quang Sơn và bà Bùi Thị Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thuỷ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Tiêu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 24/4/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 342/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/11/2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17a/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/3/2024; Quyết định hoãn phiên toà số 39/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/4/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Phạm Văn S, sinh năm 1985, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1980, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

3. **Người làm chứng:** Bà Phạm Thị N, sinh năm 1950, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh S trình bày: Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 22/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, chênh lệch tuổi tác. Hiện tại hai bên đã sống ly thân một thời gian dài, không còn quan tâm tới nhau. Nay, anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị H có một con là Phạm Gia K, sinh ngày 02/12/2014, hiện tại do chị H nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh S đề nghị giao con chung cho chị H nuôi dưỡng và cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H ở mức từ 1.400.000đ đến 1.600.000đ/tháng, kể từ tháng 4/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công sức, nợ: Anh S không yêu cầu giải quyết.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn chị H trình bày: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, thời gian chung sống chị đồng ý với lời khai nhận của anh S. Về nguyên nhân mâu thuẫn, chị H xác định do hai bên không còn tin tưởng, nghi ngờ lẫn nhau. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau, việc ai người đó làm. Nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh S xin ly hôn, chị không đồng ý.

Về con chung: Chị H công nhận vợ chồng có một con như anh S trình bày là đúng. Nếu anh S cương quyết xin ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu K cho chị nuôi dưỡng và yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con ở mức 1.500.000đ/tháng, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công sức, nợ: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Khi còn chung sống hai bên đương sự có xảy ra mâu thuẫn, đến nay đã trầm trọng, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, không hợp tính nết mặc dù đã được gia đình khuyên bảo.

Người làm chứng là bà N (mẹ của chị H) đề nghị Tòa án động viên các bên đương sự về đoàn tụ hôn nhân. Nếu các bên đương sự ly hôn, bà N đề nghị giao cháu K cho chị H nuôi dưỡng. Đối với công sức, nguồn lực tài chính gia đình bà hỗ trợ hai bên đương sự trong việc chăm sóc cháu K, bà N không yêu cầu đương sự phải hoàn trả, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành, người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị, xử: Anh S được ly hôn chị H; giao cháu K cho chị H nuôi dưỡng; anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H 1.500.000đ/tháng. Anh S phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX, nhận định.

[1]. Về tố tụng: Những người tham gia tố tụng đề nghị giải quyết, xét xử

vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1]. Về hôn nhân: Anh S, chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 22/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống các bên đương sự bất đồng quan điểm sống nên dẫn tới va chạm, mất lòng tin với nhau. Theo xác minh tại chính quyền địa phương, người thân trong gia đình đương sự xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên đương sự đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, anh S cương quyết xin ly hôn; còn chị H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nhưng cũng không đưa ra được biện pháp nào để cải thiện tình trạng hôn nhân. Như vậy, từ những căn cứ như đã nêu ở trên, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa hai bên đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của đương sự và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử anh S được ly hôn chị H.

[3]. Về con chung: HĐXX xác định anh S, chị H có một con là Phạm Gia K, sinh ngày 02/12/2014, hiện tại do chị H nuôi dưỡng. Khi ly hôn, các bên đương sự đều có quan điểm, giao cháu K cho chị H nuôi dưỡng, mặt khác cháu K có nguyện vọng xin được ở với chị H. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận nguyện vọng của các bên đương sự, quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giao cháu K cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị H nuôi dưỡng cháu K và có yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con, nên anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H ở mức 1.500.000đ/tháng, kể từ tháng 4/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi, như theo các quy định tại Điều 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản, công sức, nợ: Đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh S phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn. Ngoài ra, do anh S phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con, nên anh S phải chịu 300.000đ án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự. Điều 147, 227, 228, 229, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Anh **Phạm Văn S** ly hôn chị **Nguyễn Thị Thu H.**
2. Về con chung: Giao con **Phạm Gia K**, sinh ngày 02/12/2014 cho chị **Nguyễn Thị Thu H** tiếp tục chăm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh **Phạm Văn S** có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị **Nguyễn Thị Thu H** là **1.500.000đ/tháng**, kể từ tháng 4/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh **S** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án chưa thi hành khoản trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Anh **Phạm Văn S** chịu 300.000đ án phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23, số 0000943 ngày 17/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Anh **Phạm Văn S** phải chịu (nộp) 300.000đ án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã Thanh Xuân, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu Tòa án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn

